

Số: /QĐ-ĐHCNKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-BGDĐT ngày 02/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-ĐHCNKT ngày 08/7/2026 của ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 552/KH-ĐHCNKT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng liên ngành, liên thông, hội nhập và ứng dụng AI;

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-ĐHCNKT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành khung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếng Việt năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp số 70/BB-HĐKHĐT ngày 17 tháng 7 năm 2026 và Biên bản họp số 72/BB-HĐKHĐT ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Kinh tế và Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (mã ngành 7510605)** áp dụng từ khóa tuyển sinh 2026.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ đại học là cơ sở để các đơn vị đào tạo và phòng ban liên quan lập kế hoạch hoạt động và phối hợp hoạt động giữa các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, cán bộ viên chức, sinh viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, VBĐT, ĐT, KT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Quách Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: Logistics and Supply Chain Management
Tên ngành đào tạo Tiếng Việt	: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
Tên ngành đào tạo Tiếng Anh	: Logistics and Supply Chain Management
Mã ngành	: 7510605
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngôn ngữ đào tạo:	: Tiếng Việt

Phiên bản cập nhật năm 2026

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trình độ đại học

TT	Các thông tin	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Tên Tiếng Việt: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng Tên Tiếng Anh: Logistics and Supply Chain Management
2	Tên ngành đào tạo	Tên Tiếng Việt: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng Tên Tiếng Anh: Logistics and Supply Chain Management
3	Mã ngành	7510605
4	Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
5	Tên gọi văn bằng	Cử nhân
6	Cơ sở đào tạo cấp bằng	Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM
7	Đơn vị quản lý	Khoa Kinh tế
8	Hình thức đào tạo	Chính quy
9	Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
10	Khối lượng học tập	132 tín chỉ
11	Thời gian đào tạo tiêu chuẩn	4 năm
12	Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào của CTĐT)	Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
13	Tiêu chí tuyển sinh	
14	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quyết định 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 và cập nhật theo các quy định hiện hành.
15	Vị trí việc làm	Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có thể đảm nhiệm công việc tại các công ty kinh doanh dịch vụ Logistics hoặc làm việc tại bộ phận Logistics của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại trong và ngoài nước ở các lĩnh vực với vị trí nhân viên hoặc quản lý.
16	CTĐT đối sánh	Chương trình đào tạo đối sánh trong nước với trường Đại học Ngoại thương (ngành Kinh doanh quốc tế, chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, International Business – Logistics & SCM), và đối sánh nước ngoài với trường Singapore University of Social Sciences (SUSS, ngành Quản lý chuỗi cung ứng), và trường Embry-Riddle Aeronautical University (ERAU, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng).
17	Mục tiêu chung	1. Trang bị kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, khoa học kinh tế và quản trị trong xu thế mới. 2. Phát triển năng lực khám phá tri thức, giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh, tư duy hệ thống, có tầm nhìn, hình thành phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp.

		3. Là công dân toàn cầu, có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả. 4. Phát triển kỹ năng hình thành ý tưởng, triển khai và quản lý các phần mềm, ứng dụng AI phục vụ hoạt động Logistics và chuỗi cung ứng.
18	Chuẩn đầu ra	
18.1	Kiến thức	ELO1: Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. ELO2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để thu thập, thống kê, phân tích, và tổng hợp nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động logistics và chuỗi cung ứng. ELO3: Ứng dụng kiến thức chuyên ngành để thực hiện các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng theo hướng xanh và bền vững.
18.2	Kỹ năng	ELO4: Tổ chức thực hiện các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng. ELO5: Phân tích và giải quyết vấn đề và ra quyết định trong hoạt động logistics dựa trên kiến thức và kỹ năng chuyên ngành.
18.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	ELO6: Thực hiện trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, kỷ luật và tác phong công nghiệp phù hợp với ngành nghề trong xu hướng mới. ELO7: Thực hiện tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm, có thể sử dụng tài liệu bằng Tiếng Anh. ELO8: Hình thành, lập kế hoạch khởi nghiệp, sáng tạo trong công việc để phát triển doanh nghiệp theo xu hướng mới. ELO9: Thực hiện thành thạo công nghệ thông tin, ứng dụng AI trong hoạt động học tập có hiệu quả
19	Cấu trúc CTĐT	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 92 tín chỉ Tổng số tín chỉ: 132 tín chỉ Thời gian đào tạo: 4 năm Bằng cấp: Cử nhân
20	Hướng dẫn thực hiện chương trình	- Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 của Trường ĐHSPKT TPHCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; và cập nhật theo các quy định hiện hành. - Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025).
21	Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Năm 2026.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: Logistics and Supply Chain Management
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
Mã ngành	: 7510605
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	: Tiếng Việt
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân
Đơn vị quản lý	: Khoa Kinh tế

1. Thời gian đào tạo: 04 năm.

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT.

3. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM.

4. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT và cập nhật theo các quy định hiện hành.

5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có thể đảm nhiệm công việc tại các công ty kinh doanh dịch vụ Logistics hoặc làm việc tại bộ phận Logistics của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại trong và ngoài nước ở các lĩnh vực với vị trí nhân viên hoặc quản lý.

6. Chương trình đào tạo đối sánh

Chương trình đào tạo đối sánh trong nước với trường Đại học Ngoại thương (ngành Kinh doanh quốc tế, chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, International Business – Logistics & SCM), và đối sánh nước ngoài với trường Singapore University of Social Sciences (SUSS, ngành Quản lý chuỗi cung ứng), và trường Embry-Riddle Aeronautical University (ERAU, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng).

7. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

7.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có kiến thức kinh tế cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; có khả năng phân tích, đánh giá các nghiệp vụ kinh tế, các hoạt động kinh tế trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; ứng dụng các phần mềm, ứng dụng AI trong hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng xanh và bền vững, và tổ chức bộ máy kinh doanh dịch vụ Logistics cho doanh nghiệp; kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh; kỹ năng làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả; phong cách làm việc chuyên nghiệp, có đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

7.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kinh tế, và pháp luật; có kiến thức chuyên sâu về logistics và chuỗi cung ứng để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, và ứng dụng các công cụ phần mềm, giải pháp công nghệ cho các hoạt động về logistics và quản lý chuỗi cung ứng; đồng thời có đầy đủ các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng yêu cầu phát triển của nghề nghiệp và xã hội.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần trách nhiệm cao, rèn luyện tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; có đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, khả năng tự học và học tập suốt đời trong môi trường toàn cầu để đóng góp cho sự phát triển của ngành và xã hội.

7.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng tương ứng với thang trình độ năng lực theo bảng dưới đây:

STT	CDR (Program learning outcomes - PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
1	Kiến thức				
PLO1	Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Vận dụng kiến thức cơ bản trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng	PI1.1	3	CDR chung
		Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, cơ sở ngành trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng	PI1.2	3	
		Áp dụng thành thạo công nghệ thông tin, ứng dụng AI trong vận hành hoạt động logistics và chuỗi cung ứng	PI1.3	3	
PLO2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để thu thập, thống kê, phân tích, và tổng hợp nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động logistics và chuỗi cung ứng	Áp dụng kiến thức cơ sở ngành để thu thập, thống kê, giải quyết các vấn đề phát sinh trong doanh nghiệp	PI2.1	3	CDR chuyên biệt CDR
		Sử dụng kiến thức cơ sở ngành để phân tích các hoạt động doanh nghiệp	PI2.2	4	CDR chuyên biệt
		Vận hành các hoạt động kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp	PI2.3	4	CDR chuyên biệt
PLO3	Ứng dụng kiến thức chuyên ngành để thực hiện các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng theo hướng xanh và bền vững	Dự báo nhu cầu trong lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng	PI3.1	4	CDR chuyên biệt
		Lập kế hoạch kinh doanh trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng	PI3.2	4	CDR chuyên biệt

STT	CDR (Program learning outcomes - PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
		Tổ chức vận hành công việc trong doanh nghiệp logistics và quản trị chuỗi cung ứng	PI3.3	4	CDR chuyên biệt
2	Kỹ năng				
PLO4	Tổ chức thực hiện các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Tổ chức hoạt động logistics (giao nhận vận tải, khai báo hải quan, tham gia soạn thảo hợp đồng, nghiệp vụ kho hàng...)	PI4.1	4	CDR chuyên biệt
		Điều phối các dịch vụ chuyên môn trong lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng	PI4.2	4	CDR chuyên biệt
		Kiểm tra, đánh giá kết quả sau khi thực hiện công việc	PI4.3	5	CDR chuyên biệt
PLO5	Phân tích và giải quyết vấn đề và ra quyết định trong hoạt động logistics dựa trên kiến thức và kỹ năng chuyên ngành	Xử lý tình huống và giải quyết xung đột trong kinh doanh thông qua việc giao tiếp	PI5.1	4	CDR chuyên biệt
		Phân tích và ra quyết định đề điều phối, vận hành hoạt động Logistics và chuỗi cung ứng của doanh nghiệp	PI5.2	5	CDR chuyên biệt
		So sánh khối lượng công việc đạt được với kế hoạch/ mục tiêu đã đặt ra	PI5.3	5	CDR chuyên biệt
3	Mức tự chủ và trách nhiệm				
PLO6	Vận dụng chuẩn mực đạo đức, pháp luật, kỷ luật lao động, an toàn và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, phù hợp với ngành nghề trong xu hướng mới	Thực hiện theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng	PI6.1	3	CDR chuyên biệt
		Giải quyết công việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của ngành Logistics	PI6.2	3	CDR chuyên biệt
		Thực hiện các công việc theo yêu cầu hội nhập quốc tế	PI6.3	4	CDR chuyên biệt
PLO7	Thực hiện tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm, có thể sử dụng tài liệu bằng Tiếng Anh	Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp, kể cả giao tiếp bằng tiếng Anh	PI7.1	3	CDR chuyên biệt
		Đọc, hiểu thành thạo tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh	PI7.2	3	CDR chuyên biệt

STT	CDR (Program learning outcomes - PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
		Phát triển kỹ năng cá nhân và năng lực học tập suốt đời trên nền tảng kiến thức và tài liệu trong và ngoài nước	PI7.3	4	CDR chuyên biệt
PLO8	Đề xuất, lập kế hoạch khởi nghiệp, sáng tạo trong công việc để phát triển doanh nghiệp theo xu hướng mới	Xây dựng ý tưởng khởi nghiệp hoạt động logistics của doanh nghiệp	PI8.1	4	CDR chuyên biệt
		Lập kế hoạch khởi nghiệp hoạt động logistics của doanh nghiệp	PI8.2	4	CDR chuyên
		Triển khai hoạt động logistics của doanh nghiệp	PI8.3	4	biệt CDR chuyên biệt
PLO9	Ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu và AI để phân tích, tối ưu hóa và giải quyết vấn đề trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trong hoạt động học tập có hiệu quả	Thực hiện thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, ứng dụng AI trong việc trình bày vấn đề	PI9.1	3	CDR chuyên biệt
		Thực hiện thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, ứng dụng AI trong việc phân tích dữ liệu	PI9.2	4	CDR chuyên biệt
		Thực hiện thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, ứng dụng AI trong việc đánh giá, giải quyết vấn đề	PI9.3	5	CDR chuyên biệt

8. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỉ lệ (%)
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40	34	6	30,30
1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương	14	14	0	10,60
2	Tin học	3	3	0	2,27
3	Kiến thức ngoại ngữ	8	8	0	6,06
4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp	6	0	6	4,55
5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình họa/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn (* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)	9	9	0	6,82
6	Kiến thức giáo dục đại cương khác	-	-	-	-
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	92	80	12	69,70
1	Nhập môn ngành	3	3	0	2,27
2	Cơ sở ngành	26	20	6	19,69
3	Chuyên ngành	53	47	6	40,15
4	Thí nghiệm, thực tập, thực hành (nếu có)	2	2	0	1,52
5	Thực tập tốt nghiệp	2	2	0	1,52

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỉ lệ (%)
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
6	Khoá luận tốt nghiệp	6	6	0	4,55
III	KHỐI KIẾN THỨC GDTC VÀ GDQP	(8)			0%
1	Giáo dục thể chất	(3)			0%
2	Giáo dục quốc phòng	(4)			0%
IV	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ	(4)			0%
1	Chuyên đề doanh nghiệp	1	1		0%
2	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	3		0%
TỔNG CỘNG		132	114	18	100

9. Chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/ TT (*)	
I	Kiến thức giáo dục đại cương					
I.1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương		14	14		
1.	LLCT130105	Triết học Mác - Lênin	3	3		LLCT130105
2.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		LLCT130105
3.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		LLCT130105
4.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		LLCT130105
5.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		LLCT130105 LLCT120205 LLCT120405 LLCT120314
6.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	3		
I.2	Tin học		3			
	APCM230307	Tin học ứng dụng	3	2	1	
I.3	Kiến thức ngoại ngữ					
1.	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4			
2.	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4			
I.4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp					
Sinh viên chọn 2 học phần (mỗi học phần 3 TC) trong cùng một nhóm tự chọn của 4 nhóm tự chọn sau:						
Nhóm 1: Huấn luyện, đào tạo đội ngũ kỹ thuật			6	6	0	
N1.1	APPS230391	Tâm lý học ứng dụng	3	3	0	
N1.2	DOTT230490	Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật	3	3	0	
Nhóm 2: Pháp luật trong môi trường kinh tế			6	6	0	

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/ TT (*)	
N2.1	CGLA337039	Pháp luật và quản trị doanh nghiệp	3	3	0	
N2.2	LALA337239	Pháp luật lao động	3	3	0	
Nhóm 3: Môi trường và phát triển bền vững			6	6	0	
N3.1	CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính	3	3	0	
N3.2	SUDE130110	Phát triển bền vững	3	3	0	
Nhóm 4: Kỹ năng sống			6	6	0	
N4.1	BCTH237553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm	3	3	0	
N4.2	PIDE237653	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân	3	3	0	
I.5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn <i>(* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)</i>					
1.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3			
2.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3			
3.	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3			
I.6	Kiến thức giáo dục đại cương khác		0	0	0	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
II.1	Nhập môn ngành		3			
1.	LOGI130309	Nhập môn ngành Logistics	3	2	1	
II.2	Kiến thức cơ sở ngành					
II.2.1	Kiến thức bắt buộc					
1.	DAAN230409	Phân tích dữ liệu trong logistics	3	3		
2.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	3		
3.	BCOM320106	Giao tiếp trong kinh doanh	2	2		
4.	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	3		
5.	ECON240206	Kinh tế học	4	4		
6.	TLAW322209	Pháp luật về Logistics	2	2		
7.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	3		
II.2.2	Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong 2)					
1.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3			
2.	TAPO330407	Chính sách thuế	3			
II.3	Kiến thức chuyên ngành					
II.3.1	Kiến thức bắt buộc					
1.	INLO332609	Bảo hiểm trong logistics	3			
2.	TGEO320909	Địa lý vận tải	2			
3.	BULO320809	Kinh doanh logistics	2			
4.	TERM432609	Quản lý và khai thác thác ga, cảng	3			
5.	GRLO322709	Logistics xanh	2			
6.	LOPA431409	Kỹ thuật xếp dỡ và đóng gói	3			
7.	STMA432309	Quản trị vận tải bền vững	3			
8.	WADI432909	Quản trị kho hàng và kênh phân phối	3			
9.	OPSA220309	An toàn hoạt động logistics	2			
10.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3			

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/ TT (*)	
11.	SCMA430709	Quản trị chuỗi cung ứng	3			
12.	CUST432109	Nghiệp vụ khai báo Hải quan	3			
13.	FTRO432109	Nghiệp vụ ngoại thương	3			
14.	OPMA431909	Quản trị vận hành	3			
15.	BAMA231209	Marketing Căn bản	3			
16.	CARG432809	Hàng hóa	3			
17.	ELOG332509	Logistics điện tử	3			
18.						
II.3.2	Kiến thức tự chọn (chọn 3 trong 6)					
1.	LOIN332809	Hệ thống thông tin Logistics	3			
2.	PROC330109	Mua hàng	3			
3.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3			
4.	SERM332009	Marketing dịch vụ	3			
5.	INPA431008	Thanh toán quốc tế	3			
6.	CUSM331006	Quản trị quan hệ khách hàng	3			
II.4	Thí nghiệm, thực tập, thực hành (nếu có)					
1.	PRAT421809	Thực tập doanh nghiệp	2			
II.5	Thực tập tốt nghiệp					
1.	INTE421109	Thực tập tốt nghiệp	2			
II.6.	Khoá luận tốt nghiệp					
1.	LSCM461409	Khóa luận tốt nghiệp/Thi TN	6			
III	Kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng					
III.1	Giáo dục thể chất					
	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1			
	Sinh viên chọn học 02 học phần khác nhau trong 09 học phần lựa chọn theo danh sách dưới đây		2			
	FOOT112330	Bóng đá	1			
	VOLL112330	Bóng chuyền	1			
	BASK112330	Bóng rổ	1			
	BADM112330	Cầu lông	1			
	TENN112330	Quần vợt	1			
	KARA112330	Không thủ đạo	1			
	CHES112330	Cờ vua	1			
	PICK112330	Pickleball	1			
	CHIN112330	Cờ tướng	1			
III.2	Giáo dục quốc phòng					
	GDQP110131	Giáo dục quốc phòng 1	1			
	GDQP110231	Giáo dục quốc phòng 2	1			
	GDQP110331	Giáo dục quốc phòng 3	1			
	GDQP110431	Giáo dục quốc phòng 4	1			
IV	Chuyên đề bổ trợ					
	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1			2 cột điểm. Không tích lũy vào CTĐT
	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3			

(*) Giải thích chữ viết tắt: học phần (HP), lý thuyết (LT), thí nghiệm (TN), thực hành (TH), thực tập (TT).

10. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không ghép vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	Điều kiện môn học tiên quyết
1.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	LLCT130105*
2.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT120205*
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT120205*
4.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT120405*, LLCT120314*
5.	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4	
6.	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4	
		Giáo dục thể chất		
		Giáo dục Quốc phòng		
	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	

Bố trí các môn học trong học kỳ:

Học kỳ 1

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	LOGI130309	Nhập môn ngành Logistics	3 (2+1)	1	
2.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3		
3.	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	2	
4.	ECON240206	Kinh tế học	4		
5.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3		
Tổng			16		

Học kỳ 2

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	1	
2.	BCOM320106	Giao tiếp trong kinh doanh	2		
3.		Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức đại cương	3		
4.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	2	
5.	TLAW322209	Pháp luật về logistics	2		
6.		Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức đại cương	3	2	
7.	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1		
Tổng			16		

Học kỳ 3

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	1	
2.	DAAN230409	Phân tích dữ liệu trong logistics	3		
3.	APCM230307	Tin học ứng dụng	3 (2+1)		

4.	OPSA220309	An toàn hoạt động logistics	2	2	
5.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3		
6.		Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức cơ sở ngành	3		
Tổng			17		

Học kỳ 4

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	BAMA231209	Marketing căn bản	3	1	
2.	ELOG332509	Logistics điện tử	3		
3.	TGEO320909	Địa lý vận tải	2		
4.	GRLO322709	Logistics xanh	2		
5.	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	2	
6.	OPMA431909	Quản trị vận hành	3		
7.		Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức chuyên ngành	3		
Tổng			19		

Học kỳ 5

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	INLO332609	Bảo hiểm trong logistics	3	1	
2.	CARG432809	Hàng hóa	3		
3.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3		
4.	FTRO432109	Nghiệp vụ ngoại thương	3	2	
5.	STMA432309	Quản trị vận tải bền vững	3		
6.		Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức chuyên ngành	3		
Tổng			18		

Học kỳ 6

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	WADI432909	Quản trị kho hàng và kênh phân phối	3	1	Liên kết DN
2.	TERM432609	Quản lý và khai thác ga, cảng	3		
3.	LOPA431409	Kỹ thuật xếp dỡ và đóng gói	3		Liên kết DN
4.	CUST432109	Nghiệp vụ khai báo Hải quan	3	2	Liên kết DN
5.	PRAT421809	Thực tập doanh nghiệp	2		
6.		Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức chuyên ngành	3		
Tổng			17		

Học kỳ 7

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	BULO320809	Kinh doanh logistics	2	1	
2.	SCMA430709	Quản trị chuỗi cung ứng	3		
3.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1		<i>Không tính vào CTĐT</i>
4.	INTE421109	Thực tập tốt nghiệp	2	2	
Tổng			7		

Học kỳ 8

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	LSCM461409	Khóa luận TN	6	1	
Tổng			6		

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn ra của mỗi học phần và CTĐT.

11.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, đánh giá mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và CTĐT.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- CTĐT thực hiện theo Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025).

- CTĐT thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Đơn vị quản ngành phân công giảng viên giảng dạy các học phần theo đề cương chi tiết đã được phê duyệt.

- Tổ chức dạy học, kiểm tra - đánh giá kết quả học tập các học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo, các quy chế và quy định hiện hành có liên quan của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Lập kế hoạch, đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

- Giờ quy định được tính như sau: 01 tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp. 01 tiết học được tính bằng 50 phút.

13. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

13.1 Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện duy trì ngành.

13.2 Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở vật chất: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Sinh viên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng chủ yếu sử dụng phòng máy tính cho các môn học trong chương trình đào tạo, như các phòng sau đây: A2-101A, A2-101B, A3-101, A-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B, A4-101, A4-102.

Học liệu:

- Thư viện trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TPHCM: <http://thuvien.hcmute.edu.vn/>
- Khoa Kinh tế trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TPHCM: <http://www.hcmute.edu.vn/>
- Thư viện Đại học Quốc Gia Tp.HCM: www.vnulib.edu.vn
- Thư viện Đại học Kinh Tế Tp.HCM: www.lib.ueh.edu.vn
- Thư viện Đại học Kinh Tế Quốc Dân: www.lic.neu.edu.vn
- Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ Thuật: www.tapchikhgdkt.hcmute.edu.vn
- Tạp chí Phát triển kinh tế: www.tcptkt.ueh.edu.vn
- Tạp chí Khoa học: www.tckh.ou.edu.vn
- Thời báo kinh tế Sài Gòn: www.thesaigontimes.vn
- Thư viện pháp luật: <http://thuvienphapluat.vn/>
- Văn bản pháp luật: <http://www.vanbanphapluat.com/>

- Danh mục trang web xem trong bộ đề cương chi tiết.

14. Kế hoạch đo lường chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

15. Thời gian ban hành/cập nhật bản mô tả CTĐT: năm 2026.

16. Các phụ lục chương trình đào tạo

- Phụ lục I. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học.
- Phụ lục II: Ma trận các học phần đáp ứng CĐR của CTĐT (theo Biểu mẫu 3A - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).
- Phụ lục III: Ma trận tương quan chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn CDIO (theo Biểu mẫu 3B - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Khắc Hiếu

TS. Quách Thanh Hải

PHỤ LỤC I
MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu được các khái niệm về kinh tế như hàng hóa, thị trường, tiền, giá trị thặng dư, độc quyền, công nghiệp hóa... Nhận biết được nội dung và tác động của một số quy luật kinh tế. Nhận thức được các vấn đề cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, phương thức sản xuất, trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật...

2. Triết học Mác – Lênin

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin, và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

3. Pháp luật đại cương

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nghĩa vụ của công dân là “sống và làm việc theo pháp luật”. Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

4. Toán kinh tế 1

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R^n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

5. Toán kinh tế 2

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

6. Tin học ứng dụng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về các phần mềm tin học ứng dụng trong lĩnh vực dịch vụ logistics cũng như trong hoạt động kinh doanh nói chung. Sinh viên được thực hành thao tác trên các phần mềm trên máy tính nhằm hỗ trợ công việc ở nhiều bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp. Học phần này giúp cho sinh viên có thể ứng dụng tin học vào công việc, giúp cho việc thực hiện công việc nhanh chóng và hiệu quả hơn.

7. Nhập môn ngành logistics

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

8. Tối ưu hoá

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phân trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

9. Hàng hoá

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàng hóa nhằm mục đích giúp sinh viên hiểu, phân biệt, phân loại hàng hóa trong quá trình vận chuyển và bảo quản, đảm bảo an toàn, tránh hư hỏng, tổn thất. Mặt khác, đảm bảo chất lượng hàng hóa, nâng cao giá trị cho khách hàng và doanh nghiệp.

10. Bảo hiểm trong logistics

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các phương thức vận tải trong kinh doanh xuất nhập khẩu, cũng như đặc điểm của từng phương thức vận tải tương ứng với từng loại hàng hóa. Kiến thức về bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu cũng được trình bày gắn liền với các phương thức vận tải nhằm giúp người học có sự kết nối về vai trò của bảo hiểm trong vận chuyển hàng hóa trong thương mại quốc tế.

11. Kinh tế học

4 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 4 (4/0/8)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Kinh tế học đại cương cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô và vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ môn học này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý và quy luật kinh tế để xử lý các tình huống cụ thể.

12. Nguyên lý kế toán

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, ...).

13. Pháp luật về logistics

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Pháp luật về logistics từng bước cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết lý, bản chất, vai trò và chức năng của pháp luật về logistics trong lĩnh vực dịch vụ logistics và vận tải trong thương mại quốc tế. Môn học này cũng sẽ giúp cho người học nhận diện được mối quan hệ mật thiết giữa luật và kinh tế học. Theo đó, luật pháp được coi là một yếu tố tạo nên chi phí kinh doanh. Với chủ đích tạo một môi trường học tập từ những gì đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, môn học Pháp luật về logistics với một tập hợp các tình huống có thật sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các triết lý của pháp luật nói chung và luật vận tải logistics nói riêng. Các học thuyết này bao gồm học thuyết về quyền sở hữu; học thuyết về quyền tự do kinh doanh; lý thuyết về cạnh tranh; thuyết chi phí giao dịch; học thuyết pháp nhân và tính chịu trách nhiệm hữu hạn; lý thuyết về uỷ quyền- tác nghiệp; học thuyết về tự do khế ước; học thuyết về điều chỉnh thông tin bất cân xứng và quản lý rủi ro; học thuyết về lẽ công bằng...

14. Quản trị học căn bản

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Việc quản lý có hiệu quả công việc của nhân viên trong các tổ chức là vấn đề chính yếu của xã hội công nghiệp hóa vì chính những người quản lý là những người phải đưa ra quyết định về việc sử dụng nguồn nhân lực, vật liệu, công nghệ, và vốn. Môn học này sẽ khắc họa hình ảnh thực tế về những công việc mà người quản lý cần làm. Hơn nữa, môn học cũng sẽ giúp chỉ ra những kỹ năng mà các nhà quản lý phải áp dụng để đạt được những mục tiêu và tiêu chuẩn quan trọng đã đề ra bằng cách cung cấp những kiến thức cơ bản về một loạt các chủ đề bao gồm hoạch định, tổ chức, biên chế, lãnh đạo, thay đổi và ra quyết định trong tổ chức.

15. Phân tích dữ liệu trong logistics

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm giới thiệu thống kê học ứng dụng trong logistics thông qua các bài tập, đề án lấy từ thực tế kinh doanh để sau khi học xong môn học, sinh viên sẽ biết áp dụng vào thực tế. Ngoài phần thống kê mô tả, trong đó sinh viên sẽ làm quen với các phương pháp thu thập, sắp xếp, trình bày dữ liệu v.v, còn có một phần thống kê suy đoán để giúp cho sinh viên biết dùng các công cụ thống kê để ra quyết định mang tính định lượng trong kinh doanh như trắc nghiệm giả thiết, hồi quy tuyến tính, ... Để học tốt môn này, sinh viên cần có những hiểu biết cơ bản về EXCEL và tinh thần làm việc theo nhóm.

16. Logistics xanh

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị logistics là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về logistics và công tác hoạch định quản trị dịch vụ logistics tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics, doanh nghiệp vận tải đa phương thức. Do đặc thù ngành dịch vụ này gắn liền với hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa nên công tác quản trị đòi hỏi phải có tầm nhìn bao quát và kết nối giữa các nhân tố với nhau nhằm mang lại hiệu quả cao nhất và mang lại chuỗi giá trị tốt nhất cho khách hàng.

17. Quản trị vận tải bền vững

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học quản trị vận tải bền vững cung cấp các kiến thức cơ sở để giúp sinh viên nắm được cơ sở lý luận, tổ chức thực hiện & khai thác VTĐPT bền vững. Cấu trúc thị trường & quy định pháp lý liên quan đến tổ chức & kinh doanh VTĐPT. Mối tương quan giữa logistics – chuỗi cung ứng – vùng hậu phương – Hub & Spoke – trung tâm phân phối (DC) - mạng lưới VTĐPT. Nguyên tắc quản trị VTĐPT bền vững, KPIs và scorecarding, Benchmarking, EDI.

18. Marketing căn bản

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Giới thiệu những triết lý kinh doanh hiện đại để tham gia vào kinh tế thị trường; Cung cấp một số khái niệm căn bản về Marketing; Giúp người học biết cách phân tích thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu; Hiểu và triển khai chiến lược Marketing thông qua 4 công cụ của Marketing mix: Sản phẩm, Giá, Phân phối, Xúc tiến

19. Địa lý vận tải

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên các vấn đề cơ bản về các điều kiện tự nhiên - ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên tới hoạt động vận tải; hệ thống giao thông Việt Nam, quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng logistics; quy hoạch các vùng kinh tế, khu chế xuất ở Việt Nam; Các hành lang kinh tế châu Á đi qua lãnh thổ Việt Nam; hệ thống vận tải biển quốc tế, vận tải hàng không quốc tế. Sinh viên học xong sẽ: thực hiện được các công việc như tham gia xây dựng luồng hàng vận chuyển giữa các vùng kinh tế, KCN, KCX với cảng biển, ga hàng không, ICD, TTPP; lựa chọn sơ đồ vận tải, tuyến đường phù hợp với loại hàng, mùa vụ; từ đó tham gia xây dựng mạng lưới chuỗi dịch vụ logistics cho doanh nghiệp.

20. Hệ thống thông tin logistics

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về công nghệ thông tin, các thành phần và các loại hệ thống thông tin, từ đó có thể đưa ra những chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp trong quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu hướng thời đại mới.

21. Mua hàng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Mua hàng mô tả quá trình bao gồm: Tìm hiểu nhu cầu, định vị và lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán giá và các điều kiện phù hợp, và theo dõi để đảm bảo việc giao hàng. Thêm vào đó, mua hàng còn bao gồm việc lưu trữ, vận chuyển, nhận hàng, kiểm tra và kiểm tra hàng hóa.

22. Kinh doanh logistics

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Nội dung học phần tập trung vào vai trò của logistics trong nền kinh tế và doanh nghiệp; các loại hình dịch vụ logistics; cũng như quy trình tổ chức và điều hành hoạt động logistics trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học hiểu rõ môi trường kinh doanh logistics, xu hướng phát triển logistics hiện đại, các kỹ năng phân tích, lập kế hoạch, tổ chức hoạt động logistics nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

23. Quản trị chuỗi cung ứng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn & có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

24. Quản trị tài chính

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, vấn đề đại diện, phân tích điểm hòa vốn, ra quyết định đầu tư trong điều kiện quốc tế hóa, cấu trúc vốn, định giá doanh nghiệp, huy động vốn, quản trị vốn lưu động và lập kế hoạch tài chính.

25. Nghiệp vụ khai báo hải quan

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng liên quan đến công tác đại lý tàu biển, giao nhận vận tải quốc tế và khai báo hải quan, đặc biệt là hàng hoá ngoại thương vận chuyển bằng đường biển và đường hàng không.

26. Quản trị kho hàng và kênh phân phối

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về quản trị kho hàng & kênh phân phối, quản trị tồn kho. Sinh viên phân loại được các loại kho hàng, phân tích & lựa chọn vị trí kho hàng, lựa chọn mô hình phù hợp, thiết kế & sắp xếp trong kho hàng, xác định nhu cầu tồn kho, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, tồn kho theo nguyên lý JIT, cung cấp các kiến thức nền tảng về quản trị tồn kho và kênh phân phối.

27. An toàn hoạt động logistics

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về an toàn hoạt động trong lĩnh vực logistics: trong các loại hình vận tải, trong các loại kho, bãi... từ đó giúp cho người học có kiến thức để xây dựng các chính sách an toàn trong các hoạt động của doanh nghiệp logistics và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, xử lý các tình huống xảy ra nhằm nâng cao khả năng an toàn hoạt động và hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại xảy ra đối với người lao động, phương tiện, thiết bị và hàng hóa trong các hoạt động logistics.

28. Thương mại điện tử

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về công nghệ Internet, tình hình phát triển Thương mại điện tử tại Việt Nam, các mô hình thương mại điện tử, hoạt động marketing và thanh toán trực tuyến. Học xong môn học, sinh viên có thể đánh giá, tổ chức và tiến hành các hoạt động kinh doanh qua mạng Internet.

29. Quản trị quan hệ khách hàng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về quan hệ khách hàng. Những lợi ích khi doanh nghiệp tạo dựng được mối quan hệ khách hàng. Những cách thức, những công cụ để tạo quan hệ cũng như những biện pháp duy trì sự gắn bó dài lâu của khách hàng với doanh nghiệp. Từ đó nâng cao hiệu quả của hoạt động Marketing.

30. Giao tiếp trong kinh doanh

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về tâm lý giao tiếp trong kinh doanh hầu ứng xử một cách hữu hiệu với các dạng tâm lý của khách hàng - lãnh đạo - đồng nghiệp và

nhân viên thuộc quyền. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về lý thuyết các học thuyết lẫn thực hành trong mọi tình huống - trên tinh thần làm việc theo nhóm (Teamwork), thuyết trình trước đám đông - nhằm giúp khả năng tự tin khi tiến hành một cuộc giao tiếp. Từ đó xác định ý thức rõ ràng về nhu cầu tự rèn luyện kỹ thuật - nghệ thuật giao tiếp để chuẩn bị hòa nhập trong môi trường kinh doanh đầy năng động.

31. Nghiệp vụ ngoại thương

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ ngoại thương. Các kiến thức cơ bản như các điều kiện thương mại quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu, các vấn đề cơ bản trong hợp đồng ngoại thương, cách thức đàm phán hợp đồng, cách thức tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương cũng như cách thức giải quyết các tình huống phát sinh liên quan đến hoạt động ngoại thương cũng được nghiên cứu. Ngoài ra, sinh viên cũng được thực hành lập bộ chứng từ thanh toán quốc tế liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

32. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này sinh viên có khái niệm cơ bản và chức năng của ERP từ đó ứng dụng ERP trong thực tiễn như từ việc theo dõi đơn hàng đơn giản, quản trị hàng tồn kho, sản xuất, chuỗi cung ứng cho đến quản trị tài chính (cả kế toán và thuế) và quản trị nhân sự.

33. Kỹ thuật xếp dỡ và đóng gói

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học nhằm cung cấp một số khái niệm cơ bản về kỹ thuật đóng gói và xếp dỡ hàng hóa nhằm đáp ứng các yêu cầu của chuỗi cung ứng theo các tiêu chí: an toàn hàng hóa, chứa đựng thông tin và hỗ trợ thương mại. Môn học sẽ cung cấp các kiến thức chuyên sâu vào kỹ thuật đóng gói và xếp dỡ cho từng phương thức vận tải riêng biệt, hàng không, hàng hải, đường bộ, đường sắt, hàng siêu trường siêu trọng, trong kho hàng và cho một số loại hàng hóa đặc biệt.

34. Quản trị vận hành

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị vận hành là một trong những chức năng chính của doanh nghiệp. Vì vậy, Quản trị vận hành có vai trò quan trọng đối với DN, không chỉ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất mà còn chất lượng sản phẩm dịch vụ sẽ quyết định doanh số, lợi nhuận và sự tồn tại, phát triển của DN. Môn học quản trị vận hành sẽ trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị vận hành trong doanh nghiệp. Các khái niệm, các qui trình quản trị cũng như các kiến thức và kỹ năng về dự báo nhu cầu, cung ứng nguyên phụ liệu, quản lý hàng tồn kho, hoạch định công suất nhà máy, định vị doanh nghiệp.... sẽ được môn học cung cấp cho người học, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ.

35. Marketing dịch vụ

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học nhằm cung cấp một số khái niệm về dịch vụ và Marketing dịch vụ, bên cạnh đó cũng giới thiệu những khái niệm, các họa thuyết có liên quan, nhằm giúp sinh viên hiểu và triển khai chiến lược Marketing hỗn hợp thông qua 7 công cụ: Sản phẩm, giá, phân phối, Xúc tiến, Cơ sở vật chất, con người (nhân viên phục vụ), và qui trình dịch vụ

36. Quản lý và khai thác ga, cảng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giới thiệu khái quát vai trò, tác dụng và các nguyên tắc hoạt động của ga, cảng. Hướng dẫn lập các kế hoạch và điều hành các hoạt động sản xuất tại ga, cảng. Phân tích được tình hình hoạt động sản xuất của ga, cảng qua hệ thống các chỉ tiêu hoạt động của ga cảng. Tính toán, hướng dẫn bố trí xếp dỡ hàng hóa tại kho bãi; xếp dỡ hàng hóa qua các phương án.

37. Logistics điện tử

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giới thiệu khái niệm, vai trò, chức năng của Logistics điện tử (e-logistics) - là toàn bộ các hoạt động nhằm hỗ trợ việc di chuyển hàng hóa từ nơi cung ứng đến nơi tiêu dùng thông qua các giao dịch mua bán điện tử. Người học sẽ phân biệt được điểm khác biệt lớn nhất của E-logistics so với logistics truyền thống là việc thực hiện logistics đầu vào (procurement) và logistics đầu ra (fulfillment) đều được xử lý bằng công nghệ thông tin, các quy trình được tự động hóa để đáp ứng số lượng đơn hàng lớn lên đến hàng triệu đơn mỗi ngày, hàng trăm nghìn chủng loại hàng hóa với tiến độ giao hàng nhanh chỉ trong 1-2 giờ và có độ chính xác cao.

38. Chính sách thuế

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về Thuế: đặc điểm, bản chất, phân loại, giúp cho người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản này cùng với các quy định của Luật thuế về kỳ tính thuế, đối tượng chịu thuế, đối tượng tính thuế, căn cứ tính thuế, thuế suất, phương pháp tính và kê khai đối với các loại thuế: xuất nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, thuế nhà thầu, làm căn cứ để nghiên cứu rộng và sâu hơn các loại thuế và phí khác.

39. Tâm lý học ứng dụng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tâm lý học ứng dụng cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hiện tượng tâm lý người; các quy luật nhận thức và tâm lý người. Khi học học phần Tâm lý học ứng dụng, sinh viên nhận thức đúng và đầy đủ về các biểu hiện tâm lý của bản thân và những người xung quanh. Ngoài ra, sinh viên được trải nghiệm vận dụng các hiện tượng tâm lý người, các lý thuyết tâm lý vào khám phá đặc điểm tâm lý của người sử dụng, từ đó hình thành ý tưởng và giải pháp thiết kế sản phẩm lấy con người làm trung tâm.

40. Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần *Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật* cung cấp cho sinh viên các ngành kỹ thuật kiến thức cơ sở chung về huấn luyện cho đội ngũ kỹ thuật trong tổ chức; xác định nhu cầu huấn luyện đội ngũ kỹ thuật, thiết kế và tổ chức chương trình huấn luyện đội ngũ kỹ thuật tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần này còn hướng dẫn sinh viên kỹ năng xác định nhu cầu huấn luyện đội ngũ kỹ thuật, thiết kế và tổ chức chương trình huấn luyện đội ngũ kỹ thuật. Với các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên các ngành kỹ thuật có thể sẵn sàng thực hiện thiết kế và tổ chức các khóa huấn luyện đội ngũ kỹ thuật tại doanh nghiệp, qua đó góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

41. Biến đổi khí hậu và khí nhà kính

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học *Biến đổi khí hậu và khí nhà kính* cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản và chuyên sâu về các vấn đề môi trường toàn cầu; tập trung vào biến đổi khí hậu (BĐKH), tác động của khí nhà kính (KNK) và các phương pháp kiểm kê phát thải; giúp sinh viên nắm nguyên nhân, cơ chế và hậu quả của BĐKH đối với hệ sinh thái, kinh tế và xã hội; đồng thời giới thiệu các công cụ, phương pháp đánh giá phát thải KNK theo hướng dẫn IPCC và các chính sách, thỏa thuận quốc tế như Hiệp định Paris. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ: hiểu rõ nguyên nhân, cơ chế và tác động của BĐKH; hiểu mối liên hệ giữa BĐKH và các lĩnh vực như kinh tế, năng lượng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp; nhận diện các loại KNK và vai trò của chúng trong hiện tượng nóng lên toàn cầu; nắm vững phương pháp kiểm kê KNK và các công cụ đo lường liên quan; xây dựng thái độ tích cực trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

42. Phát triển bền vững

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về môi trường, các vấn đề môi trường và phát triển bền vững. Sinh viên được trang bị khả năng nhận diện các vấn đề môi trường và xây dựng các chiến lược phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có khả năng: Hiểu rõ các khái niệm, nguyên tắc và mô hình phát triển bền vững (PTBV); Nhận diện và phân tích các vấn đề môi trường, kinh tế và xã hội trong cả bối cảnh toàn cầu và tại Việt Nam; Vận dụng tư duy bền vững vào ngành học và lĩnh vực chuyên môn của mình; Hình thành ý thức và trách nhiệm công dân đối với các vấn đề môi trường và xã hội.

43. Kỹ thuật chế biến thực phẩm

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần thuộc khối kiến thức liên ngành, trang bị cho người học kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và các kỹ thuật chế biến thực phẩm, đồng thời phát triển kỹ năng thực hành chế biến các món ăn gia đình bảo đảm vệ sinh và cân đối dinh dưỡng trong đời sống hằng ngày. Qua đó, người học có kỹ năng cơ bản tự chế biến thực phẩm an toàn, dinh dưỡng và khoa học thích ứng với môi trường sống và làm việc; tự chủ và trách nhiệm đối với sức khỏe cá nhân, cũng như định hướng phát triển bản thân và nâng cao chất lượng cuộc sống.

44. Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần thuộc khối kiến thức liên ngành, trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về xây dựng, thể hiện và quản trị hình ảnh cá nhân trong môi trường học tập và nghề nghiệp, bao gồm diện mạo, phong thái, giao tiếp, ứng xử, văn hóa ăn uống, trang phục và hình ảnh số. Từ đó, người học được hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử và hội nhập, tự chủ và trách nhiệm trong hành vi nghề nghiệp và có năng lực tự phát triển, định hướng hình ảnh cá nhân.

45. Thực tập doanh nghiệp

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: sinh viên năm thứ 3

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia kiến tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo; thực hiện được một báo cáo kiến tập hoàn chỉnh.

46. Thực tập tốt nghiệp

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: sinh viên năm thứ 4

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

47. Khoá luận tốt nghiệp

6 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 6 (6/0/12)

Điều kiện tiên quyết: sinh viên năm thứ 4

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp hệ thống lại/ nâng cao những kiến thức đã học trong chương trình.

PHỤ LỤC II
MA TRẬN CÁC HỌC PHẦN ĐÁP ỨNG CDR CỦA CTĐT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes - PLOs)																									Số lượng CD R/ môn học tham gia đóng góp		
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI 1.1	PI 1.2	PI1.3	PI2.1	PI 2.2	PI2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI5.1	PI 5.2	PI5.3	PI6.1	PI 6.2	PI6.3	PI 7.1	PI7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI8.2	PI8.3	PI 9.1		PI 9.2	PI9.3
Học kỳ 1																													
LOGI 1303 09	Nhập môn ngành Logistics				3											3			3	3	3				3			6	
LLC T130 105	Triết học Mác – Lênin	3														3			3	3								4	
FUM A230 806	Quản trị học căn bản		2											3					3									3	
MAT H130 801	Toán kinh tế 1	3														3			3		3							4	

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes - PLOs)																										Số lượng CD R/ môn học tham gia đóng góp	
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI 1.1	PI 1.2	PI1.3	PI2.1	PI 2.2	PI2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI5.1	PI 5.2	PI5.3	PI6.1	PI 6.2	PI6.3	PI 7.1	PI7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI8.2	PI8.3	PI 9.1	PI 9.2		PI9.3
Môn tự chọn: chọn 2 trong 8 học phần đại cương																													
APPS 2303 91	Tâm lí học ứng dụng	3			3				4															4				4	
DOT T230 490	Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật	3			3				4															4				4	
CGL A337 039	Pháp luật và quản trị doanh nghiệp		4			4							3															3	
LAL A337 239	Pháp luật lao động		3			3							3															3	
CGH G130 210	Biến đổi khí hậu	2		3				3									3			3								5	

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes - PLOs)																										Số lượng CD R/ môn học tham gia đóng góp	
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI 1.1	PI 1.2	PI1.3	PI2.1	PI 2.2	PI2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI5.1	PI 5.2	PI5.3	PI6.1	PI 6.2	PI6.3	PI 7.1	PI7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI8.2	PI8.3	PI 9.1	PI 9.2		PI9.3
	và khí nhà kính																												
SUD E130 110	Phát triển bền vững	2		3					3								3			3								5	
BCT H237 553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm		4						4													4	4					4	
PIDE 2376 53	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân		4											4					4			4	4					5	
Học kỳ 2																													
GEL A236 939	Pháp luật đại cương	2	3											3									3					4	

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes - PLOs)																									Số lượng CD R/ môn học tham gia đóng góp		
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI 1.1	PI 1.2	PI1.3	PI2.1	PI 2.2	PI2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI5.1	PI 5.2	PI5.3	PI6.1	PI 6.2	PI6.3	PI 7.1	PI7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI8.2	PI8.3	PI 9.1		PI 9.2	PI9.3
ECO N240 206	Kinh tế học		2		4				3																			3	
BCO M321 906	Giao tiếp trong kinh doanh	3			3														3									3	
MAT H130 901	Toán kinh tế 2	3			3											3				3		3						5	
TLA W32 2209	Pháp luật về logistics		3		3																							2	
Môn tự chọn: chọn 2 trong 8 học phần đại cương																													
Học kỳ 3																													
MAT H 1329 01	Xác suất thống kê ứng dụng	3														3				3		3						4	

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes - PLOs)																									Số lượng CD R/ môn học tham gia đóng góp		
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI 1.1	PI 1.2	PI1.3	PI2.1	PI 2.2	PI2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI5.1	PI 5.2	PI5.3	PI6.1	PI 6.2	PI6.3	PI 7.1	PI7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI8.2	PI8.3	PI 9.1		PI 9.2	PI9.3
DAA N220 409	Phân tích dữ liệu trong logistics		3					5										5							3	4	5	6	
APC M230 307	Tin học ứng dụng			3			3														3							3	
OPS A220 309	An toàn lao động trong logistics		3											4					3									3	
MAO P230 706	Tối ưu hoá	3						3	4																			3	
Môn tự chọn: chọn 1 trong 8 học phần chuyên ngành																													
PRA C230 407	Nguyên lý kế toán		3																	3						3	3	4	

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes - PLOs)																											Số lượng CD R/ môn học tham gia đóng góp
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI 1.1	PI 1.2	PI1.3	PI2.1	PI 2.2	PI2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI5.1	PI 5.2	PI5.3	PI6.1	PI 6.2	PI6.3	PI 7.1	PI7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI8.2	PI8.3	PI 9.1	PI 9.2	PI9.3	
LOIN 3328 09	Hệ thống thông tin logistics								3	3		4								3									4
PRO C330 109	Mua hàng									3	3			3															3
ECO M431 308	Thương mại điện tử		3	3	3						3	3								3		3							7
TAP O330 407	Chính sách thuế		3		3											3													3
SER M332 009	Marketing dịch vụ					3			3		3									3									4
INPA 4310 08	Thanh toán quốc tế				2					4											3	3				3			5

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes - PLOs)																									Số lượng CD R/ môn học tham gia đóng góp		
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI 1.1	PI 1.2	PI1.3	PI2.1	PI 2.2	PI2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI5.1	PI 5.2	PI5.3	PI6.1	PI 6.2	PI6.3	PI 7.1	PI7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI8.2	PI8.3	PI 9.1		PI 9.2	PI9.3
	nghiệp (ERP)																												
GRL O322 709	Logistics xanh									3				3														2	
OPM A431 909	Quản trị vận hành		3			4			4			3								3						2		6	
Môn tự chọn: chọn 1 trong 8 học phần chuyên ngành																													
Học kỳ 5																													
INLO 3326 09	Bảo hiểm trong logistics				3	3				3						4												4	
CAR G432 809	Hàng hóa					3			3		4									3								4	

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes - PLOs)																									Số lượng CD R/ môn học tham gia đóng góp		
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI 1.1	PI 1.2	PI1.3	PI2.1	PI 2.2	PI2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI5.1	PI 5.2	PI5.3	PI6.1	PI 6.2	PI6.3	PI 7.1	PI7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI8.2	PI8.3	PI 9.1		PI 9.2	PI9.3
FIM A430 807	Quản trị tài chính				3	3	3	4	4		3																	6	
FTR O432 109	Nghiệp vụ ngoại thương				4						4										3							3	
STM A432 309	Quản trị vận tải bền vững		2			3					3		3															4	
Môn tự chọn: chọn 1 trong 8 học phần chuyên ngành																													
Học kỳ 6																													
WAD I4329 09	Quản trị kho hàng và kênh phân phối							3	3	3		4																4	
TER M432 609	Quản lý và khai					3				3		3			4						3							5	

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes - PLOs)																										Số lượng CD R/ môn học tham gia đóng góp	
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI 1.1	PI 1.2	PI1.3	PI2.1	PI 2.2	PI2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI5.1	PI 5.2	PI5.3	PI6.1	PI 6.2	PI6.3	PI 7.1	PI7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI8.2	PI8.3	PI 9.1	PI 9.2		PI9.3
	thác ga, cảng																												
LOP A431 409	Kỹ thuật xếp dỡ và đóng gói		2			3				3			4															4	
CUS T432 109	Nghiệp vụ khai báo Hải quan					1				3					1													3	
PRA T421 809	Thực tập doanh nghiệp									3						3				3			4					4	
Môn tự chọn: chọn 1 trong 8 học phần chuyên ngành																													
Học kỳ 7																													
BUL O320 809	Kinh doanh logistics	3			3					4				4						3								5	

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes - PLOs)																										Số lượng CD R/ môn học tham gia đóng góp	
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI 1.1	PI 1.2	PI1.3	PI2.1	PI 2.2	PI2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI5.1	PI 5.2	PI5.3	PI6.1	PI 6.2	PI6.3	PI 7.1	PI7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI8.2	PI8.3	PI 9.1	PI 9.2		PI9.3
SCM A430 709	Quản trị chuỗi cung ứng				3			3		3							4				3								5
SEMI 3100 26	Chuyên đề doanh nghiệp					3							4						3										3
INTE 4211 09	Thực tập tốt nghiệp					3				3		4		4	4		4		3							3	4	5	10
Học kỳ 8																													
LSC M451 409	Khóa luận TN					3			3			4		4	4		4	4	3							3	4	5	10
Số lượng môn học/PI		11	15	8	19	17	8	4	19	20	8	10	5	4	12	5	15	5	4	21	11	8	4	4	5	9	5	4	
Mức năng lực cao nhất		4	4	3	4	4	3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	5	4	4	3	4	5		

PHỤ LỤC III
MA TRẬN TƯƠNG QUAN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT VÀ CHUẨN CDIO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để thu thập, thống kê, phân tích, và tổng hợp nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động logistics và chuỗi cung ứng	Ứng dụng kiến thức chuyên ngành để thực hiện các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng theo hướng xanh và bền vững	Tổ chức thực hiện các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Phân tích và giải quyết vấn đề và ra quyết định trong hoạt động logistics dựa trên kiến thức và kỹ năng chuyên ngành	Vận dụng chuẩn mực đạo đức, pháp luật, kỷ luật lao động, an toàn và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, phù hợp với ngành nghề trong xu hướng mới	Thực hiện tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm, có thể sử dụng tài liệu bằng Tiếng Anh	Đề xuất, lập kế hoạch khởi nghiệp, sáng tạo trong công việc để phát triển doanh nghiệp theo xu hướng mới	Ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu và AI để phân tích, tối ưu hóa và giải quyết vấn đề trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trong hoạt động học tập có hiệu quả
	1	Có kiến thức và lập luận kỹ thuật								
	1.1	<Kiến thức toán học và khoa học cơ bản>	x							
	1.2	<Kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi>		x						
	1.3	<Kiến thức nền tảng kỹ thuật nâng cao>			x	x	x			
	2	Kỹ năng và tố chất cá nhân và chuyên nghiệp								

CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để thu thập, thống kê, phân tích, và tổng hợp nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động logistics và chuỗi cung ứng	Ứng dụng kiến thức chuyên ngành để thực hiện các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng theo hướng xanh và bền vững	Tổ chức thực hiện các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Phân tích và giải quyết vấn đề và ra quyết định trong hoạt động logistics dựa trên kiến thức và kỹ năng chuyên ngành	Vận dụng chuẩn mực đạo đức, pháp luật, kỷ luật lao động, an toàn và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, phù hợp với ngành nghề trong xu hướng mới	Thực hiện tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm, có thể sử dụng tài liệu bằng Tiếng Anh	Đề xuất, lập kế hoạch khởi nghiệp, sáng tạo trong công việc để phát triển doanh nghiệp theo xu hướng mới	Ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu và AI để phân tích, tối ưu hóa và giải quyết vấn đề trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trong hoạt động học tập có hiệu quả
2.1	<Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề>					x				
2.2	<Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức>			x	x				x	
2.3	< Tư duy tâm hệ thống>					x				
2.4	< Thái độ, tư tưởng và học tập>									
2.5	< Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác>						x			
3	Kỹ năng giao tiếp làm việc theo nhóm và giao tiếp									
3.1	<Làm việc theo nhóm>						x		x	

CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để thu thập, thống kê, phân tích, và tổng hợp nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động logistics và chuỗi cung ứng	Ứng dụng kiến thức chuyên ngành để thực hiện các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng theo hướng xanh và bền vững	Tổ chức thực hiện các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Phân tích và giải quyết vấn đề và ra quyết định trong hoạt động logistics dựa trên kiến thức và kỹ năng chuyên ngành	Vận dụng chuẩn mực đạo đức, pháp luật, kỷ luật lao động, an toàn và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, phù hợp với ngành nghề trong xu hướng mới	Thực hiện tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm, có thể sử dụng tài liệu bằng Tiếng Anh	Đề xuất, lập kế hoạch khởi nghiệp, sáng tạo trong công việc để phát triển doanh nghiệp theo xu hướng mới	Ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu và AI để phân tích, tối ưu hóa và giải quyết vấn đề trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trong hoạt động học tập có hiệu quả
4.6	<Vận hành>							x		x
4.7	<Nỗ lực trong lãnh đạo kỹ thuật>						x		x	
4.8	<Sáng nghiệp trong kỹ thuật>								x	

./.